

**MỘT SỐ TRAO ĐỔI, GÓP Ý
VỀ DỰ ÁN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN (SỬA ĐỔI)
(COMMENTS AND RECOMMENDATIONS ON THE DRAFT LAW
ON ACCESS TO INFORMATION (AMENDED))**

PGS. TS. ĐINH DŨNG SỸ

Chuyên gia pháp luật.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Tiếp cận thông tin; tự do thông tin; quyền tiếp cận thông tin; quyền tự do thông tin; trách nhiệm cung cấp thông tin.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 11/3/2026
Hoàn thành phản biện : 21/3/2026
Duyệt đăng : 25/3/2026

Article Information:

Keywords: Access to information; freedom of information; right to access information; right to freedom of information; responsibility to provide information.

Article History:

Received : 11 Mar 2026
Review completed : 21 Mar 2026
Approved : 25 Mar 2026

Quyền tiếp cận thông tin (TCTT) là một trong những quyền dân sự, chính trị cơ bản của công dân, được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người năm 1948 và Công ước quốc tế về các Quyền dân sự

¹⁾ Điều thứ 10 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1946 quy định: “Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài”.

Tóm tắt:

Để tăng cường bảo đảm và bảo vệ quyền thông tin của công dân trong bối cảnh mới, Dự thảo Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) đã bổ sung nhiều chính sách quan trọng về: phạm vi thông tin cần phải cung cấp; mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin; mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai; đa dạng hóa các phương thức cung cấp thông tin; bổ sung các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, một số quy định của Dự thảo Luật vẫn cần được tiếp tục trao đổi về mặt chính sách hoặc về kỹ thuật lập pháp. Nội dung bài viết này trao đổi, góp ý về một số vấn đề để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Dự thảo Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) trước khi trình Quốc hội thông qua.

Abstract:

To strengthen the assurance and protection of citizens' right to information in the new context, the Draft Law on access to information (amended) has introduced several significant policies regarding: the scope of information to be provided; expansion of subjects responsible for providing information; broadening the categories of information subject to mandatory public disclosure; diversification of information provision methods; and supplementary measures to ensure the right to access information, thereby facilitating citizens' exercise of this right. However, certain provisions in the Draft Law require further deliberation regarding policy implications or legislative techniques. This article discusses and provides recommendations on several issues for further research to refine the Draft Law on Access to information (amended) before its submission to the National Assembly for approval.

và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Ở Việt Nam, ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946, Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã ghi nhận các quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản của công dân¹ và các

quyền này tiếp tục được ghi nhận trong các bản Hiến pháp sau đó. Hiến pháp năm 2013 hiện hành, Điều 25 tiếp tục ghi nhận: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, TCTT...*”. Ngoài ra, trong rất nhiều đạo luật của quốc gia cũng có ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ quyền tự do thông tin của công dân như: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Lưu trữ, Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân..., đặc biệt là Luật TCTT được ban hành vào năm 2016 đã cụ thể hóa, quy định khá đầy đủ cơ chế, biện pháp bảo đảm và bảo vệ quyền TCTT của công dân cũng như trách nhiệm cung cấp, công khai thông tin của các cơ quan nhà nước.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương đổi mới trong tư duy xây dựng và thi hành pháp luật, hoàn thiện thể chế phát triển, chuyển đổi số quốc gia cũng như hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN), bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu của phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn mới, nhu cầu sửa đổi Luật TCTT được đặt ra hết sức cần thiết. Theo Chương trình lập pháp năm 2026, Quốc hội sẽ xem xét, thông qua Dự án Luật TCTT (sửa đổi). Đến nay, Dự án Luật đã được Chính phủ xem xét, cho ý kiến và trình Quốc hội. Trên cơ sở Dự thảo Luật theo Tờ trình số 49/TTr-CP ngày 12/02/2026 của Chính phủ trình Quốc hội, tác giả có một số ý kiến trao đổi, góp ý như sau.

1. Về phạm vi sửa đổi và các định hướng chính sách lớn

Dự thảo Luật TCTT (sửa đổi) lần này là sửa đổi toàn diện Luật TCTT năm 2016, đáp ứng các yêu cầu của bối cảnh, nhiệm vụ mới như nói trên. Trong đó, Dự thảo Luật tập trung vào các vấn đề lớn sau: (1) Bổ sung phạm vi thông tin cần phải cung cấp. Theo đó, ngoài thông tin do các cơ quan tạo ra, bổ sung loại

thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ (nhận được); (2) Sửa đổi một số quy định liên quan đến việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp. Khi chúng ta bỏ chính quyền cấp huyện thì cần xử lý 2 vấn đề: Vừa loại bỏ thông tin trước đây cơ quan nhà nước cấp huyện sở hữu và có trách nhiệm cung cấp, vừa bổ sung loại thông tin mà cơ quan nhà nước cấp xã có trách nhiệm cung cấp theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sau sắp xếp; (3) Mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin. Theo đó, ngoài các cơ quan nhà nước như quy định của Luật hiện hành, bổ sung loại đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; (4) Điều chỉnh phạm vi thông tin mà Ủy ban nhân dân (UBND) xã có trách nhiệm cung cấp; (5) Về mở rộng phạm vi thông tin phải được công khai; điều chỉnh phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện; (6) Đa dạng hóa các phương thức cung cấp thông tin; bổ sung các biện pháp bảo đảm quyền TCTT của công dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện quyền TCTT.

Những nội dung chính sách sửa đổi nói trên là rất quan trọng, thể hiện những vấn đề cốt lõi của Luật, cũng chính là những vấn đề cốt lõi để người dân có thể thực hiện được quyền TCTT của mình.

2. Trao đổi, góp ý về một số vấn đề của Dự thảo Luật

2.1. Về chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin

Để đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, Dự thảo Luật nghiên cứu mở rộng từng bước và hợp lý các tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin theo Luật này. Theo đó, Dự thảo Luật bổ sung quy định những đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có

trách nhiệm cung cấp thông tin (ngoài cơ quan nhà nước theo quy định của Luật hiện hành). Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay gắn với đổi mới mô hình quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả, đặc biệt là yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Hiến pháp năm 2013, trong đó đã ghi nhận “Ở nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”², tác giả cho rằng, nên cân nhắc một số chủ thể khác cũng cần có trách nhiệm cung cấp thông tin, đó là:

i) *Doanh nghiệp nhà nước (DNNN)*. DNNN là đơn vị sử dụng vốn nhà nước (cũng có thể coi là sử dụng tiền thuế của dân) vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận và có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn. Do vậy, về nguyên tắc, DNNN phải có trách nhiệm minh bạch việc sử dụng vốn và công khai kết quả kinh doanh của mình cho người dân biết và giám sát. Từ đó góp phần tăng tính trách nhiệm trong sử dụng vốn của các DNNN, bảo đảm quyền của người dân trong hoạt động giám sát. Việc bổ sung đơn vị sự nghiệp công lập vào diện phải cung cấp thông tin cho người dân nhưng lại không bổ sung DNNN thì có phần khập khiễng, không hợp lý, chưa công bằng và thực sự minh bạch với người dân trong sử dụng tài chính, tài sản nhà nước.

Hiện tại, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025 cũng đã có

những quy định về trách nhiệm của DNNN trong báo cáo và công khai thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp³. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì chủ thể nhận được báo cáo và thông tin chỉ là cơ quan đại diện chủ sở hữu, chưa có những quy định về trách nhiệm công khai thông tin cho người dân biết về kết quả hoạt động kinh doanh của DNNN. Từ đó tác giả đề nghị, Dự thảo Luật nên quy định bổ sung DNNN cũng là chủ thể cần công khai thông tin đến người dân. Tuy nhiên, đối với DNNN thì thông tin cần công khai cho người dân chỉ nên khoanh lại là những thông tin về tình hình kinh doanh của mình, đặc biệt là thông tin về kết quả, hiệu quả kinh doanh trên vốn đầu tư của Nhà nước để người dân biết và giám sát hoạt động của doanh nghiệp, không cung cấp những thông tin về bí mật kinh doanh và những thông tin không cần thiết khác. Về phương thức cung cấp thông tin cũng cần cân nhắc chỉ áp dụng phương thức công khai thông tin mà không áp dụng phương thức cung cấp thông tin theo yêu cầu, để tránh sự phiền hà cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm công khai được những thông tin cần thiết đến người dân biết và giám sát.

ii) *Các cơ quan của Đảng*. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật”⁴.

Theo quy định trên đây của Hiến pháp, để người dân có thể thực hiện được quyền giám

² Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013.

³ Chương VII, các điều 54, 55 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025 quy định về trách nhiệm của DNNN trong báo cáo và công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp.

⁴ Khoản 2 và 3 Điều 4 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013.

sát của mình, đồng thời tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết, gần gũi giữa Đảng với Nhân dân thì các cơ quan của tổ chức Đảng nên có trách nhiệm công khai các thông tin về các quyết định của Đảng trước Nhân dân (trừ những thông tin thuộc danh mục bí mật của tổ chức Đảng). Thực tiễn hiện nay, các cơ quan của Đảng cũng đã thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân, đến xã hội thông qua các kênh khác nhau, đặc biệt là trên các phương tiện thông tin của Đảng như Báo Nhân dân (báo in và báo điện tử), Cổng Thông tin điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (dangcongsan.org.vn) cả ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tạp chí Cộng sản và các phương thức, phương tiện thông tin khác. Vì vậy, việc bổ sung, ghi nhận trách nhiệm công khai thông tin của các cơ quan Đảng đối với Nhân dân trong Luật TCTT không phải là vấn đề mới mà là sự cụ thể hóa (luật hóa) quy định của Hiến pháp và ghi nhận những vấn đề của thực tiễn mà Đảng đã và vẫn đang làm. Việc bổ sung này chắc chắn sẽ đem lại những giá trị tích cực và tốt đẹp hơn về tư tưởng, mục tiêu, hành động của Đảng, đồng thời thể hiện trách nhiệm của Đảng trước Nhân dân, từ đó củng cố, tăng cường hơn nữa lòng tin của Nhân dân đối với Đảng cũng như sự gắn bó mật thiết của Đảng với Nhân dân.

iii) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Theo quy định của Hiến pháp cũng như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) thì “*MTTQVN là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội...; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết*

*toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội... ”*⁵. Với tính chất và tôn chỉ, mục đích trong tổ chức và hoạt động nói trên thì MTTQVN là nơi phải thể hiện tính dân chủ và công khai rộng rãi nhất, điển hình nhất.

Từ đó, tác giả cho rằng, để bảo đảm cho MTTQVN và các tổ chức thành viên của Mặt trận phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện được tôn chỉ, mục đích hoạt động của mình, thực sự là một liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện và phát huy được quyền làm chủ của Nhân dân mà trước hết là của các thành viên, hội viên của Mặt trận thì cần tiếp tục cụ thể hóa trách nhiệm công khai thông tin của Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Theo đó, cần bổ sung vào Luật TCTT trách nhiệm công khai thông tin của MTTQVN và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Việc bổ sung quy định trách nhiệm phải công khai thông tin của Mặt trận đến với Nhân dân vừa củng cố, nâng cao được ý thức trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức của Mặt trận trong công khai thông tin đến với người dân, vừa tạo điều kiện để các tổ chức thành viên của Mặt trận cũng như người dân thực hiện được quyền TCTT của mình, qua đó đóng góp vào các hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận, tạo đồng thuận xã hội, phát huy đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.2. Về mở rộng phạm vi thông tin phải cung cấp

Luật TCTT hiện hành quy định chỉ có thông tin mà các cơ quan nhà nước tạo ra⁶ mới

⁵ Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013.

⁶ Khoản 2 Điều 2 Luật TCTT năm 2016 định nghĩa: “*Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản*”.

phải công khai và cung cấp cho người dân. Riêng đối với UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp cả thông tin do mình tạo ra và cả thông tin do mình nhận được. Vì UBND cấp xã là cấp chính quyền cơ sở, gần dân nhất, do đó, để bảo đảm mọi thông tin của các cơ quan nhà nước đến được với người dân, Luật hiện hành đã quy định trách nhiệm trên cho riêng UBND cấp xã. Đối với các cơ quan nhà nước khác chỉ có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra. Dự thảo Luật sửa đổi lần này đã mở rộng trách nhiệm cung cấp thông tin nhận được (thông tin nắm giữ)⁷ đối với tất cả các cơ quan, đơn vị, không chỉ có UBND cấp xã như quy định của Luật hiện hành.

Về quy định mới nói trên của Dự thảo Luật, tác giả nhận thấy, thông tin nhận được của cơ quan, đơn vị này chính là thông tin được tạo ra bởi cơ quan, đơn vị khác. Luật đã quy định thông tin được tạo ra là loại thông tin phải cung cấp. Vậy khi tạo ra thông tin, cơ quan, đơn vị tạo thông tin đã phải thực hiện nghĩa vụ cung cấp các thông tin này. Nếu thông tin đó được chuyển tiếp, gửi cho cơ quan, đơn vị khác và lại được cơ quan, đơn vị này tiếp tục cung cấp thì sẽ trùng lặp, gây lãng phí không cần thiết. Và mặc dù Dự thảo Luật cũng đã giới hạn: “Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng” (khoản 3 Điều 10), tác giả vẫn cho rằng, Dự thảo Luật không cần thiết phải bổ sung trách nhiệm cung cấp loại thông tin nắm giữ (thông tin nhận được), tránh gây trùng lặp, lãng phí không cần thiết. Tác giả cho rằng, quy định mới không khoa học và tiến bộ hơn quy định hiện hành. Trường hợp Dự thảo Luật vẫn quy định trách nhiệm cung

cấp thông tin nắm giữ thì nên quy định theo hướng: *Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp cho người dân các thông tin nắm giữ nếu thông tin đó chưa được cơ quan tạo thông tin cung cấp*, bất kể thông tin đó là thông tin gì, nếu chúng thuộc danh mục thông tin cần công khai, cung cấp cho người dân, không nên giới hạn chỉ hai loại thông tin như quy định của khoản 3 Điều 10 Dự thảo Luật. Hoặc giữ nguyên quy định của Luật hiện hành là chỉ UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp cả thông tin do mình tạo ra, cả thông tin nắm giữ cho người dân, thực hiện sứ mệnh của chính quyền cấp cơ sở, bảo đảm mọi thông tin cần cung cấp phải đến được với người dân. Lập luận của cơ quan soạn thảo tại Tờ trình Quốc hội rằng, do sau sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã quá nặng nề, nên cấp xã không có đủ khả năng thực hiện cung cấp toàn bộ các thông tin nắm giữ là thiếu cơ sở, chưa thuyết phục. Không nên lấy những khó khăn tạm thời của chính quyền cấp xã hiện nay để đưa ra một quy định pháp lý có tính nguyên tắc và dài hạn, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số.

2.3. Về phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận, được tiếp cận có điều kiện và thông tin phải công khai

Dự thảo Luật quy định thông tin công dân được tiếp cận, thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện. Đây là cách tiếp cận theo hướng “chọn bở”. Chúng tôi đồng tình với cách tiếp cận này, vì phù hợp với quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền và bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân hiện nay, bảo đảm sự minh bạch, dễ tiếp cận, giảm chi phí tuân thủ của người dân (Điều 14, 15, 16).

⁷ Khoản 3 Điều 2 Dự thảo Luật TCTT (sửa đổi) định nghĩa: “Thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ là tin, dữ liệu do cơ quan, đơn vị nhận được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật”.

Tuy nhiên, đến Điều 17 quy định về thông tin phải được công khai lại theo logic “chọn cho”, liệt kê tất cả các thông tin phải được công khai. Có nghĩa rằng, chúng ta đã phân định ra một loại thông tin khác trong tổng thể các loại thông tin mà người dân được tiếp cận, đó là thông tin phải được công khai rộng rãi (khoản 1 Điều 17) và thông tin khác (khoản 2 Điều 17) chỉ thực hiện công khai căn cứ vào điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị và để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng. Tác giả cho rằng, việc phân chia như Dự thảo Luật là không hợp lý, chưa thuyết phục. Vì theo tác giả, tất cả các thông tin mà luật đã quy định người dân được tiếp cận theo nguyên tắc được xác định ở Điều 14 đều phải là những thông tin bắt buộc phải công khai, không nên phân định thành hai loại như Điều 17. Mặt khác, cách tiếp cận theo nguyên tắc “chọn cho” như quy định của Điều 17 là chưa khoa học, vì chắc chắn sẽ còn nhiều loại thông tin cần công khai ở rất nhiều thể loại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập khác nhau mà chưa thể thống kê hết được, hoặc sẽ còn phát sinh thêm trong thực tiễn. Chúng ta đã tiếp cận theo phương án “chọn bỏ” như các Điều 14, 15, 16 thì Điều 17 không nên phân định và liệt kê thành hai loại thông tin mà chỉ quy định nguyên tắc: các cơ quan, đơn vị phải công khai tất cả các thông tin do mình tạo ra mà người dân được quyền tiếp cận, trừ các trường hợp theo quy định của Điều 15, 16. Về mặt kỹ thuật, trong bối cảnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì việc công khai theo nguyên tắc này là không khó. Đồng thời Dự thảo Luật cũng nên bổ sung quy định thông tin phải công khai trước hết của mỗi cơ quan, đơn vị là *Danh mục các thông tin phải công khai* cho người dân biết. Tác giả cho rằng, đây phải là thông tin *trước nhất và quan trọng nhất* cần công khai trong

trách nhiệm công khai thông tin của các chủ thể có trách nhiệm theo Luật này. *Danh mục các thông tin phải công khai* cần được xây dựng và ban hành một cách khách quan, đặc biệt là nên quy định việc xây dựng Danh mục này phải được lấy ý kiến phản biện của MTTQVN và các tổ chức thành viên của Mặt trận, lấy ý kiến Nhân dân trước khi ban hành.

2.4. Về cung cấp thông tin theo yêu cầu

Hình thức, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu cần rà soát thêm, bảo đảm thuận tiện và khả thi nhất cho người dân. Đặc biệt, cần phù hợp với khả năng tiếp cận của người dân, tránh trường hợp người dân yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản nhưng trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu còn rườm rà hoặc không phù hợp dẫn đến khó tiếp cận, chi phí cao, khó khả thi. Ví dụ:

i) *Khoản 1 Điều 26 Dự thảo Luật quy định: “Người yêu cầu cung cấp thông tin phải gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, trừ trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin theo điểm a khoản 1 Điều 23 của Luật này”.* Tức là trừ thông tin thuộc diện phải công khai đang trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai. Để giảm thủ tục phiền hà cho người dân, tác giả đề nghị cân nhắc quy định theo hướng tất cả những thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật này, nhưng thuộc tất cả các trường hợp của khoản 1 Điều 23 thì không cần phải lập và gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; những trường hợp còn lại thì phải gửi Phiếu yêu cầu.

ii) *Hoặc quy định tại khoản 2 Điều 26: “Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm: Tiếp nhận, hướng dẫn người yêu cầu điền Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu thông qua hệ thống phần mềm quản lý yêu cầu trực tuyến; thông báo về việc giải quyết yêu cầu cung*

cấp thông tin cho người yêu cầu”. Quy định này đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, dịch vụ công điện tử, tuy nhiên, có thể chưa đáp ứng sự thuận tiện cho người dân, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa chưa thể thực hiện được yêu cầu trên các nền tảng trực tuyến. Do vậy, nên cân nhắc quy định cơ quan, đơn vị có thể tiếp nhận, hướng dẫn người dân lập Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin bằng trực tuyến hoặc trực tiếp đối với những nơi, những người chưa thể thực hiện yêu cầu bằng phiếu trực tuyến.

2.5. Về các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

Đây là nội dung rất quan trọng, thể hiện tính khả thi của Luật, bảo đảm Luật có đem lại những giá trị đích thực cho người dân hay không. Dự thảo Luật đã bổ sung nhiều quy định về các biện pháp bảo đảm quyền TCTT như bố trí cán bộ đầu mối về cung cấp thông tin, đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện việc phân loại, lưu trữ và cập nhật thông tin, số hóa tài liệu, đa dạng hóa các hình thức cung cấp, công khai thông tin... đồng thời giao Chính phủ quy định cụ thể các biện pháp để bảo đảm thực hiện quyền TCTT. Tuy nhiên, dường như vẫn còn thiếu hụt những quy định về trách nhiệm, chế tài đối với các cơ quan, đơn vị khi không thực hiện đúng hoặc vi phạm các quy định về TCTT của Luật này. Nếu chúng ta có Luật nhưng thiếu các quy định về trách nhiệm và chế tài pháp lý hoặc thực hiện không nghiêm trong tổ chức thi hành Luật thì quyền TCTT của người dân sẽ chỉ “nằm trên giấy”. Đây là vấn đề rất quan trọng nên cần cân nhắc bổ sung vào Luật để tăng tính trách nhiệm cũng như tính khả thi của Luật. Trường hợp không bổ sung vào Luật thì cần hết sức lưu ý khi ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này, bảo đảm rõ trách nhiệm, gắn với chế tài mạnh mẽ, xử lý kiên quyết và nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật.

2.6. Về kỹ thuật lập pháp

i) *Về giải thích từ ngữ*: Dự thảo Luật có một số từ ngữ có tính khái niệm như: *dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; đời sống riêng tư; bí mật cá nhân; bí mật gia đình; thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh...* Đây là những khái niệm cần được giải thích, tránh gây lúng túng hoặc cách hiểu, vận dụng khác nhau trong thực tiễn thi hành. Do vậy, tác giả đề nghị cần rà soát các luật liên quan, nếu các thuật ngữ này chưa được giải thích cụ thể ở các luật chuyên ngành liên quan thì cần bổ sung giải thích những thuật ngữ nói trên trong Luật này.

ii) *Khoản 2 Điều 3 về nguyên tắc bảo đảm TCTT quy định: “Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ”*. Đề nghị bổ sung cụm từ *kịp thời* để bảo đảm tương thích với điểm a khoản 1 Điều 8 về quyền TCTT của người dân: *“chính xác, đầy đủ, kịp thời”*.

iii) *Về trách nhiệm cung cấp thông tin (Điều 10)*: Đây là quy định rất quan trọng, bảo đảm quyền TCTT của người dân được thực hiện trên thực tế. Tuy nhiên, kỹ thuật lập pháp của Điều này còn nhiều trục trặc, chưa rõ ràng. Cụ thể:

- Tiêu đề của khoản 2 Điều 10 chưa hoàn toàn chính xác, hợp lý. Tác giả kiến nghị chỉnh lý như sau cho đúng với bản chất của vấn đề cần truyền tải: *“2. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin. Đối với một số cơ quan đặc thù thì trách nhiệm cung cấp thông tin được quy định như sau”*.

- Cách phân chia trách nhiệm cung cấp thông tin thành: thông tin tạo ra (khoản 1 Điều 10), thông tin nắm giữ (khoản 3), nhưng khoản 2 lại chỉ nói đến thông tin tạo ra gây rối rắm và chưa rõ ý. Cụ thể là, đối với những

(Xem tiếp trang 33)

của Nghị quyết số 66-NQ/TW khi nhân mạnh yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng hiện đại, minh bạch, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, thúc đẩy chuyên đổi số quốc gia. Trên cơ sở đó, việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ Cộng hòa Estonia - quốc gia điển hình trong xây dựng Chính phủ số và các quốc gia phát triển khác, được coi là một trong những giải pháp quan trọng nhằm xây dựng mô hình giao dịch bất động sản điện tử hiện đại, an toàn và hiệu quả. Theo đó, cần thúc đẩy sự tích hợp hiệu quả giữa hoạt động công chứng, chứng thực điện tử với việc thừa nhận đầy đủ giá trị pháp lý của giao dịch điện tử; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để đơn giản hoá và nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước cũng như cung cấp dịch

vụ công cho công dân. Bên cạnh đó, nhiệm vụ cấp thiết hiện nay là phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng, cập nhật và liên thông dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công quốc gia cùng với các cơ quan có thẩm quyền như: Tòa án, cơ quan thi hành án, Ủy ban nhân dân, tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan đăng ký đất đai, cơ quan thuế, Sở Tư pháp... Việc minh bạch hóa, liên thông thông tin về tình trạng pháp lý của bất động sản không chỉ góp phần phòng ngừa rủi ro, hạn chế tranh chấp mà còn tạo lập nền tảng vững chắc để xây dựng một thị trường bất động sản an toàn, lành mạnh và hiện đại. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để hướng tới xây dựng một xã hội số, lấy người dân làm trung tâm, qua đó thúc đẩy sự phát triển bền vững và thịnh vượng của quốc gia trong kỷ nguyên công nghệ số■

MỘT SỐ TRAO ĐỔI, GÓP Ý... (tiếp theo trang 15)

thông tin nắm giữ của các cơ quan có tính đặc thù như Quốc hội, Chính phủ... thì cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp (?) hiện chưa rõ về mặt kỹ thuật. Tác giả đề nghị thiết kế lại điều này về kỹ thuật lập pháp cho rõ ràng và đầy đủ hơn. Tuy nhiên, khả thi nhất là nên bỏ loại thông tin nắm giữ hoặc thiết kế lại như kiến nghị của tác giả ở tiểu mục 2.2 nói trên.

- Điểm e khoản 2 Điều 10 quy định: “Đơn vị đầu mối do UBND cấp xã xác định có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của cấp mình tạo ra; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ”. Rõ ràng là đoạn “cung cấp cho công dân khác...” là không rõ ý. Phải chăng cơ quan soạn thảo muốn nói đến trách nhiệm cung cấp thông tin cho công dân theo

phạm vi, địa giới hành chính, nhưng kỹ thuật lại chưa rõ, không ăn nhập gì với cả điểm e khoản 2 này. Vì vậy, tác giả đề xuất nên viết lại điểm này cho rõ vấn đề.

iv) Điều 15 về thông tin công dân không được tiếp cận, tại khoản 6 quy định: “Thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan, đơn vị; tài liệu do cơ quan, đơn vị soạn thảo cho công việc nội bộ”. Đây là vấn đề thực tiễn còn thiếu thống nhất, chưa rõ ràng về nhận thức cũng như quy định. Nhiều trường hợp còn lẫn lộn với các tài liệu, thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, gây tranh chấp hoặc phát sinh những trách nhiệm pháp lý không đáng có. Từ đó, tác giả đề nghị bổ sung vào cuối quy định trên cụm từ “có đóng dấu “lưu hành nội bộ” hoặc “chỉ sử dụng nội bộ”, để chuẩn hóa loại tài liệu, thông tin này trong thực tiễn, bảo đảm sự rõ ràng, minh bạch, tránh nhầm lẫn và phát sinh trách nhiệm không đáng có■